**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN EAKAR**
**TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ.
Ngày 16/09/2024.
*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Ngọc.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Thế Hằng.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa*: Ông Hồ Quốc Nam.

*Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Tất Tại, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16/09/2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2024/TLST – HNGĐ, ngày 10/05/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp vê nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40b/2024/HNGĐ – ST, ngày 01/08/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 40/2024/QĐST – HNGĐ ngày 21/08/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Bà H Rĩu B**, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Buôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: **Ông Y Thon** N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

# NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn thay đổi nội dung khởi kiện nguyên đơn trình bày:*

Tôi và ông Y Thon N có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do từ lúc lấy nhau về chồng tôi ông Y Thon N không chịu làm ăn, hay tụ tập bạn bè ăn chơi, hay vay mượn tiền bạc của người khác và xã hội đen, tiêu xài cho bản thân và đánh số đề, nên tài sản trong nhà có giá trị đều mang đi bán, cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân, là người không có trách nhiệm với gia đình vợ, con, hiện nay hai vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong khoảng thời gian này hai vợ chồng chúng tôi không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Y Thon N.

Về con chung: Trong thời gian chúng sống vợ chồng chúng tôi có 01 người con chung cháu tên H Diêm Mi B1, sinh ngày 28/10/2010. Nay hai vợ chồng ly hôn thì tôi nhận nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đến tuổi trưởng thành và về trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Y Thon N, sau khi thụ lý và quá trình giải quyết Tòa án triệu tập tống đạt văn bản hợp lệ nhưng ông Y Thon N vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 08 năm 2024, Toà án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên toà xét xử vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Y Thon N vắng mặt không có lý do.

***Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:***

*Về tố tụng*: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tống đạt văn bản tố tụng và quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của pháp luật. Còn đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án chưa chấp hành và vắng mặt không có lý do.

*Về nội dung*: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H Rĩu B, cho bà H Rĩu B được ly hôn với ông Y Thon N.

Về con chung: Giao con chung là cháu tên H Diêm Mi B1, sinh ngày 28/10/2010 cho bà H Rĩu B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên HĐXX xét thấy:*

[1] **Về tố tụng:** Bà H Rĩu Byă có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc ly hôn với ông Y Thon N. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với bị đơn ông Y Thon N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lần thứ 2 đều vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà H Rĩu B và ông Y Thon N có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/01/2011. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt công khai các văn bản tố tụng để ông Y Thon thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt không tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành và không có lý do. Vì vậy phải chịu hậu quả về việc vắng mặt của mình.

Quá trình giải quyết vụ án thì thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng bà H Rĩu B và ông Y Thon N chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Y Thon N không chịu làm ăn, hay tụ tập bạn bè ăn chơi, hay vay mượn tiền bạc của người khác và xã hội đen, tiêu xài cho bản thân và đánh số đề, nên tài sản trong nhà có giá trị đều mang đi bán, cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân, là người không có trách nhiệm với gia đình vợ, con, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong khoảng thời gian này hai vợ chồng bà H Rĩu B và ông Y Thon N không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay bà H Rĩu B thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau nên bà bà H Rĩu B làm đơn xin được ly hôn với ông Y Thon N.

Qua phân tích nhận định trên xác định nguyên nhân mâu thuẫn mà bà H Rĩu B đã trình bày là có căn cứ, phù hợp với biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Cho bà H Rĩu B được ly hôn với ông Y Thon N là phù hợp với quy định của pháp luật.

**[2.2] Về con chung:** Trong quá trình chung sống vợ chồng bà H Rĩu B và ông Y Thon N có 01 người con chung là cháu H Diêm Mi B1, sinh ngày 28/10/2010. Bà H Rĩu B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, xét yêu cầu là hợp pháp bản thân cháu H Diêm Mi B1, sinh ngày 28/10/2010 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác ông Y Thon N quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt. Xét thấy việc giao con chung cho bà H Rĩu B chăm sóc là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Về trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung**: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3] Về án phí**: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H Rĩu B.**

*** Về quan hệ hôn nhân:** Bà H Rĩu B được ly hôn với ông Y Thon N.

*** Về con chung:** Giao con chung là cháu cháu H Diêm Mi B1, sinh ngày 28/10/2010 cho bà H Rĩu B trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về trợ cấp nuôi dưỡng con chung: Không yêu cầu nên không xem xét để giải quyết.

Ông Y Thon N được quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tuy nhiên, ông Y Thon N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về án phí:** Bà H Rĩu B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0000378 ngày 10/05/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

**3. Quyền kháng cáo**: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea Kar;
- THADS huyện Ea Kar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Ngọc**